

Số: 643 /QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 06 tháng 6 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển thủy lợi tỉnh Lai Châu,
giai đoạn 2011 - 2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật tài nguyên nước ngày 20 tháng 5 năm 1998;

Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ các công trình Thủy lợi ngày 04/4/2003;

Căn cứ Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 7/9/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 7/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội;

Căn cứ Quyết định số 87/2006/QĐ-TTg ngày 20/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh thời kỳ 2006 - 2020;

Căn cứ Công văn số 1488/UBND-NN ngày 08/12/2010 của UBND tỉnh Lai Châu về việc rà soát hệ thống thủy lợi tỉnh Lai Châu đến năm 2010, lập Quy hoạch phát triển hệ thống thủy lợi tỉnh giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 317/QĐ-UB ngày 15/3/2011 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt đề cương, dự toán kinh phí rà soát, điều chỉnh Quy hoạch thủy lợi giai đoạn 2006 - 2010 và định hướng 2020;

Căn cứ Thông báo số 444-TB/TU ngày 09 tháng 5 năm 2012 của Tỉnh ủy về kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại cuộc họp ngày 03, 04 tháng 5 năm 2012;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 208/TTr-SNN ngày 25 tháng 5 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển thủy lợi tỉnh Lai Châu giai đoạn 2011 - 2020 với nội dung sau: 

I. QUAN ĐIỂM ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ KHAI THÁC CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI.

- Phát triển thủy lợi phải đặt trong tổng thể phát triển kinh tế - xã hội theo hướng hiện đại, đồng bộ, nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh để phát triển sản xuất đặc biệt là sản xuất lương thực, rau màu, thực phẩm, nuôi trồng thủy sản và phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội khác.

- Tập trung vào các công trình hồ chứa, công trình thủy lợi tưới từ 30 ha trở lên. Ưu tiên cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi hiện có nhưng đã xuống cấp, chỉ xây dựng mới các công trình thực sự cấp thiết, vừa phát triển thủy lợi mở rộng diện tích tăng vụ, vừa nghiên cứu chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở những nơi thiếu nước.

- củng cố các đơn vị quản lý khai thác bảo vệ các công trình thủy lợi. Tăng cường công tác tuyên truyền, tạo sự chuyển biến của các cấp, các ngành, các đoàn thể và nhân dân về vị trí và vai trò của thủy lợi đối với phát triển KT - XH trong điều kiện biến đổi khí hậu toàn cầu.

- Khai thác và sử dụng nguồn nước phải gắn liền với công tác bảo vệ, chống suy thoái cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ ĐẾN NĂM 2020.

1. Mục tiêu:

a) Mục tiêu tổng quát:

Phát triển thủy lợi đảm bảo sử dụng có hiệu quả tài nguyên nước, đáp ứng nhu cầu cấp nước cho trồng lúa nước, rau màu, thực phẩm, nuôi trồng thủy sản, phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững. Kết hợp phục vụ phát triển các ngành kinh tế xã hội của tỉnh đến năm 2020, nhằm đảm bảo an ninh lương thực xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân, củng cố quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Về đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi phục vụ tưới các diện tích lúa nước:

+ Đến năm 2015: Diện tích trồng lúa nước đạt 19.700ha, có 17.000ha lúa vụ mùa (đạt 86,29% tổng diện tích lúa nước vụ mùa), có 6.500ha lúa chiêm xuân (đạt 100% diện tích lúa chiêm xuân) được tưới trực từ công trình thủy lợi. Trong đó:

* Đầu tư xây dựng mới các công trình hồ chứa, các công trình tưới tự chảy tăng diện tích ruộng nước: 1.200 ha lúa vụ mùa, 900 ha lúa vụ chiêm xuân.

* Cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi hiện có đảm bảo tưới trực ruộng nước: 15.800 ha lúa vụ mùa, 5.600 ha lúa vụ chiêm xuân.

+ Đến năm 2020: Diện tích trồng lúa nước đạt 20.500ha, có 19.000ha lúa vụ mùa (đạt 92% tổng diện tích lúa nước vụ mùa), có 7.500ha lúa chiêm xuân (đạt 100% diện tích lúa chiêm xuân) được tưới trực từ công trình thủy lợi. Trong đó:

* Đầu tư xây dựng mới các công trình hồ chứa, các công trình tưới tự chảy tăng diện tích ruộng nước: 800ha lúa vụ mùa, 600ha lúa vụ chiêm xuân.

* Cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi hiện có đảm bảo tưới trực ruộng nước: 18.200ha lúa vụ mùa, 6.900ha lúa vụ chiêm xuân.

- Về sản lượng lương thực: Đến năm 2015 đạt 175.000 tấn, năm 2020 đạt 195.000 tấn.

- Về đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi kết hợp phục vụ các mục tiêu:

+ Xây dựng cánh đồng mẫu lớn: Bình Lư, Mường Than thành vùng chuyên canh lúa gạo chất lượng cao với quy mô 10.000 tấn/năm để đáp ứng cho các thị trường cao cấp.

+ Kết hợp giữa tưới ruộng với nuôi trồng thủy sản; mở rộng diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản ở những nơi thuận lợi về nguồn nước, đảm bảo diện tích nuôi trồng thủy sản đạt trên 800ha (trong đó đến năm 2015 đạt trên 700ha, không kể diện tích nuôi trồng trên các hồ thủy điện). Về sản lượng nuôi trồng đến năm 2020 đạt 3.500 tấn (trong đó đến năm 2015 đạt 2.600 tấn).

+ Kết hợp giữa tưới ruộng với nuôi cá nước lạnh ở những nơi có điều kiện: Thị xã Lai Châu, Hồ Thầu, Sơn Bình, Mường Mít, Tà Mung, Thị trấn Sìn Hồ, Pa Vây Sừ... với quy mô khoảng 25ha (trong đó đến năm 2015 đạt khoảng 15ha). Về sản lượng đến năm 2020 đạt 2.500 tấn (trong đó đến năm 2015 đạt 1.200 tấn).

+ Kết hợp tưới ruộng với thâm canh tăng vụ: Trên đất lúa 2 vụ tăng vụ trồng rau, thực phẩm...; trên đất lúa 1 vụ tăng vụ trồng ngô, lạc.... Đến năm 2020 diện tích rau màu, củ quả đạt 3.700ha (trong đó đến năm 2015 đạt 3.000ha); Sản lượng đạt 3.000 tấn (trong đó đến năm 2015 đạt 2.500 tấn).

+ Xây dựng một số mô hình tưới hiện đại gắn với vùng sản xuất hoa, rau màu, thực phẩm chất lượng cao tại: Nậm Hàng, Thị xã Lai Châu, Giang Ma, Hồ Thầu, Bình Lư... với quy mô khoảng 20ha (trong đó đến 2015 đạt khoảng 10ha). Tưới cho sản xuất chè công nghệ cao ở những nơi có điều kiện như: Bản Bo, Thị trấn Tân Uyên... với quy mô khoảng 100ha (trong đó đến năm 2015 đạt khoảng 50ha).

2. Nhiệm vụ:

a) Xây dựng các công trình hồ chứa:

Các khu vực phát triển sản xuất nông nghiệp quan trọng trên địa bàn tỉnh: Bình Lư, Sơn Bình, thị trấn Tân Uyên, thị trấn Than Uyên, thị trấn Sìn Hồ, nhưng thiếu nước trầm trọng về mùa khô. Đặc biệt là nhu cầu dùng nước ngày càng tăng cho: trồng lúa, tăng vụ, trồng màu, rau, củ quả, phát triển nuôi trồng thủy sản, cá nước lạnh. Nguồn nước đến về mùa khô đã được khai thác cạn kiệt, giải pháp cơ bản để bổ sung nước cho mùa cạn là xây dựng các hồ trữ nước.

+ Đầu tư xây dựng 5 hồ chứa: Hồ Hạ (Thị xã Lai Châu), Hồ Nậm Thi (Sơn Bình - Bình Lư), Hồ Phiêng Lú (Tân Uyên), Hồ Xà Dề Phìn (Sìn Hồ), Hồ đội 9 (Than Uyên) đảm bảo tưới 850ha lúa (trong đó tưới 750ha lúa 2 vụ), 300ha màu và 60ha thủy sản với tổng kinh phí 467 tỷ đồng.

Trong đó: Giai đoạn 2011 ÷ 2015 xây dựng 03 hồ.

Giai đoạn 2016 ÷ 2020 xây dựng 02 hồ.

+ Tiếp tục nghiên cứu đầu tư một số hồ chứa khác khi có điều kiện để đảm bảo cân bằng nước cho các vùng sản xuất tập trung có quy mô lớn nhưng có nguy cơ thiếu nước.

b) Xây dựng mới các công trình tưới từ 30 ha trở lên: Xây dựng các công trình thủy lợi phục vụ khai hoang, sản xuất trồng lúa:

- Tái định cư thủy điện Lai Châu, xây dựng 6 công trình thủy lợi tại các xã Mường Tè, Nậm Khao, Can Hồ, Mường Mô, huyện Mường Tè.

- Tái định cư thủy điện Huội Quảng Bản Chát, xây dựng 2 công trình thủy lợi phục vụ cho khu TĐC Phúc Than, huyện Than Uyên.

Tổng cộng xây dựng mới 20 công trình, tăng năng lực tưới 1.705ha (trong đó có 1.090ha lúa 2 vụ), với tổng kinh phí là 262,4 tỷ đồng, trong đó:

+ Giai đoạn 2011 ÷ 2015: Xây dựng 12 công trình gồm Mường Tè 06 công trình, Sìn Hồ 03 công trình, Tam Đường 02 công trình, Than Uyên 01 công trình.

+ Giai đoạn 2016 ÷ 2020: Xây dựng 08 công trình gồm Mường Tè 01 công trình, Sìn Hồ 03 công trình, Phong Thổ 01 công trình, Tam Đường 02 công trình, Than Uyên 01 công trình.

c) Cải tạo, nâng cấp các công trình tưới từ 30 ha trở lên:

- Các công trình đã được xây dựng là những công trình đang phục vụ sản xuất, thuận lợi về đất đai, nguồn nước. Tuy vậy, nhiều công trình đã đầu tư xây dựng từ lâu nay đã xuống cấp; nhiều công trình đã được đầu tư nhưng chưa đồng

bộ; nhiều công trình do thiên tai mưa lũ bị sạt lở mới khắc phục tạm. Các công trình này cần cải tạo, sửa chữa kênh mương, gia cố tiếp kênh mương hiện đang là kênh đất để đảm bảo tưới tưới các diện tích hiện có.

- Cải tạo, nâng cấp 72 công trình, đảm bảo tưới tưới 4.127 ha, trong đó có 2.317 ha lúa hai vụ, 226 ha rau màu, 101 ha nuôi trồng thủy sản, với tổng kinh phí 224,6 tỷ đồng:

+ Giai đoạn 2011 ÷ 2015: Cải tạo, nâng cấp 22 công trình gồm Mường Tè 04 công trình; Sìn Hồ 03 công trình; Phong Thổ 03 công trình; Thị xã Lai Châu 02 công trình; Tam Đường 03 công trình; Tân Uyên 04 công trình; Than Uyên 03 công trình.

+ Giai đoạn 2016 ÷ 2020: Cải tạo, nâng cấp 50 công trình gồm Mường Tè 08 công trình; Sìn Hồ 08 công trình; Phong Thổ 08 công trình; Thị xã Lai Châu 02 công trình; Tam Đường 09 công trình; Tân Uyên 07 công trình; Than Uyên 08 công trình.

d) Cải tạo các công trình thủy lợi, kiên cố hóa kênh mương gắn với nuôi cá nước lạnh, tưới cây công nghiệp, hoa, rau màu thực phẩm, thâm canh cánh đồng mẫu lớn.

Nhiều công trình đã xây dựng đang phục vụ sản xuất nông nghiệp trên các địa bàn như: Nậm Hàng, Thị xã, Tả Lèng, Giang Ma, Hồ Thầu, Bình Lư, Sơn Bình, Bản Bo, Mường Khoa, Hồ Mít, Mường Than, Tà Mung... Tại các địa bàn này thuận lợi cho phát triển kinh tế, phát triển sản xuất như: Thủy sản; nuôi cá nước lạnh; rau màu, củ quả, thực phẩm; chè công nghệ cao; thâm canh cánh đồng mẫu lớn. Các công trình thủy lợi này phải nghiên cứu bổ sung nhiệm vụ, nghiên cứu công nghệ tưới hiện đại, bổ sung kênh mương, đường ống dẫn nước nội đồng, giao thông nội đồng... để phục vụ sản xuất hàng hóa có chất lượng, tiêu thụ sản phẩm.

e) Công trình thủy lợi nhỏ (có diện tích tưới < 30 ha):

- Các công trình thủy lợi nhỏ thường nằm ở vùng sâu, vùng xa do một bộ phận dân cư quản lý khai thác. Các vùng này thường có khí hậu lạnh, nguồn nước hạn chế nên thường cấy lúa 1 vụ. Nhiều công trình đang là tạm: Đầu mối là phai tạm, kênh mương là kênh đất; nhiều công trình do dân tự làm; nhiều công trình đã được Nhà nước đầu tư nhưng mới được đầu tư một phần, kênh mương chủ yếu là kênh đất.

- Các công trình này cần đầu tư cải tạo, nâng cấp khoảng 200 công trình thủy lợi nhỏ trên địa bàn các huyện, thị xã phục vụ cho khai hoang, mở rộng diện tích, thâm canh, tăng vụ ruộng nước ở những nơi có điều kiện: Mường Tè:

70 công trình; Sìn Hồ 40 công trình; Phong Thổ 40 công trình; Thị xã Lai Châu 10 công trình; Tam Đường 30 công trình; Tân Uyên 20 công trình; Than Uyên 30 công trình.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH.

1. Giải pháp về cơ chế chính sách:

- Xây dựng và hoàn thiện cơ chế chính sách thu hút đầu tư, huy động các nguồn lực, lồng ghép nhiều nguồn vốn để đầu tư phát triển thủy lợi.

- Gắn đầu tư xây dựng, khai thác sử dụng nguồn nước và phòng chống thiên tai với nghĩa vụ đóng góp tài chính của các tổ chức, cá nhân sử dụng nước: Thủy điện, thủy sản, công nghiệp chế biến, dịch vụ...

- Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác tối đa lợi thế tổng hợp từ công trình thủy lợi; nâng cao trách nhiệm của người quản lý và người hưởng lợi trong quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

- Gắn công tác thủy lợi với các chính sách xã hội trong việc giải quyết nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt cho nhân dân nhất là ở vùng cao, vùng đồng bào dân tộc ít người, góp phần xóa đói giảm nghèo, ổn định an ninh chính trị.

2. Về vốn đầu tư:

- Về nhu cầu vốn đầu tư: Tổng vốn đầu tư cho các nhiệm vụ đã nêu trên, giai đoạn 2011 - 2020 cần khoảng 1.500 tỷ đồng, bình quân mỗi năm khoảng 150 tỷ đồng.

- Về nguồn vốn đầu tư: Khai thác tổng hợp các nguồn vốn đầu tư phục vụ cho phát triển thủy lợi, trong đó có các nguồn: Trái phiếu Chính phủ, ODA, vốn Trung ương cân đối cho ngân sách địa phương, vốn các chương trình mục tiêu Quốc gia... và nguồn vốn vay tín dụng ưu đãi của Ngân hàng Phát triển.

- Về phân kỳ đầu tư: Giai đoạn 2011 - 2015 dự kiến khoảng 500 tỷ đồng, ưu tiên cho các dự án cấp bách của các vùng trọng điểm và các công trình thủy lợi nhỏ phục vụ cho chương trình giảm nghèo ở địa bàn các xã đặc biệt khó khăn. Giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 1.000 tỷ đồng cho các công trình còn lại.

- Tập trung đầu tư dứt điểm để sớm đưa công trình vào khai thác sử dụng, tránh đầu tư dàn trải, kéo dài.

3. Về quản lý, khai thác, bảo vệ các công trình thủy lợi:

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống tổ chức, cơ chế và chính sách quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, cấp nước sinh hoạt nông thôn đã được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 27/11/2009 và các văn bản hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính.

- Các đơn vị quản lý khai thác bảo vệ công trình thủy lợi: Hiện nay thủy lợi phí mới được nhà nước hỗ trợ cho các công trình thủy lợi được nhà nước đầu tư xây dựng. Với nguồn kinh phí này không đáp ứng để các đơn vị duy trì hoạt động đảm bảo phục vụ sản xuất nông nghiệp. Cần cấp đủ kinh phí sự nghiệp thủy lợi cho các đơn vị để các đơn vị củng cố bộ máy, nâng cao năng lực để tổ chức quản lý khai thác có hiệu quả các công trình thủy lợi.

4. Giải pháp về đầu tư đối với các dự án nuôi cá nước lạnh, tưới cây công nghiệp, hoa, rau màu thực phẩm:

- Việc phát triển rau màu, củ quả, thực phẩm chủ yếu trồng tăng vụ trên đất trồng lúa và tập trung chủ yếu ở gần các khu đô thị, thị tứ, khu tập trung dân cư để cung cấp rau, củ quả, thực phẩm.

- Đối với các công trình thủy lợi gắn với nuôi cá nước lạnh, tưới cây công nghiệp, hoa, rau màu thực phẩm, nghiên cứu áp dụng đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP) theo quyết định số 71/2010/QĐ-TTg ngày 09/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Về phân cấp quản lý đầu tư:

- Các dự án thuộc nguồn vốn Chương trình MTQG phân cấp cho UBND các huyện, thị xã quản lý, các dự án thuộc nguồn ngân sách UBND tỉnh cân đối về ngân sách cấp huyện do Chủ tịch UBND huyện, thị quyết định đầu tư. Các dự án còn lại do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư.

- Đối với các hồ chứa có chiều cao đập trên 12m, các công trình tự chảy nhóm B trở lên, các công trình theo hình thức PPP giao cho Sở NN & PTNT làm chủ đầu tư. Các công trình do Công ty TNHH một thành viên quản lý thủy nông tỉnh Lai Châu quản lý giao cho Công ty làm chủ đầu tư. Các công trình còn lại giao cho UBND các huyện, thị xã làm chủ đầu tư.

6. Giải pháp về nâng cao năng lực quản lý của hệ thống quản lý thủy lợi:

- Tiếp tục kiện toàn hệ thống tổ chức làm công tác quản lý thủy lợi từ tỉnh đến cơ sở, đặc biệt là Chi cục Thủy lợi & PCLB và Ban quản lý dự án chuyên ngành của Sở NN & PTNT.

- Tuyên truyền giáo dục bằng mọi phương tiện truyền thông để nâng cao ý thức cho người dân trong quản lý khai thác bảo vệ công trình thủy lợi, bảo vệ nguồn nước.

7. Tổ chức thực hiện:

- Sở Nông nghiệp và PTNT căn cứ Quy hoạch này xây dựng kế hoạch kế hoạch 5 năm và kế hoạch hàng năm để triển khai thực hiện, đảm bảo mục tiêu

của quy hoạch. Hướng dẫn, đôn đốc các huyện thị kiện toàn bộ máy, quy chế hoạt động của các Ban Thủy lợi cấp xã.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư đảm bảo cân đối nguồn vốn để đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các công trình hồ chứa và các công trình tự chảy có quy mô tưới từ 30ha trở lên.

- Sở Tài chính đảm bảo cân đối nguồn vốn cho việc cấp bù thủy lợi phí và kinh phí duy tu, sửa chữa các công trình thủy lợi hàng năm. Chủ trì hoàn thiện cơ chế chính sách miễn thủy lợi phí, chi phí cho các hoạt động của các đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi đặc biệt là các đơn vị cấp xã.

- UBND các huyện, thị xã lồng ghép các nguồn vốn chương trình mục tiêu Quốc gia và nguồn ngân sách tỉnh phân cấp cho các huyện để đầu tư các công trình thủy lợi nhỏ (có quy mô dưới 30ha). Hướng dẫn, đôn đốc các xã củng cố, kiện toàn bộ máy, sử dụng về tài chính đối với các hoạt động của Ban Thủy lợi xã, Tổ Thủy lợi bản.

- Các đơn vị trực tiếp quản lý các công trình thủy lợi: Thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ theo quy định được ban hành tại Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 27/11/2009 của UBND tỉnh; thực hiện tốt công tác bảo trì, duy tu, sửa chữa thường xuyên, khai thác tối đa năng lực của các công trình đảm bảo đủ nước tưới phục vụ sản xuất.

- Các tổ chức đoàn thể: Tham gia phối kết hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, các huyện, thị xã, các xã, phường, thị trấn trong việc vận động, phổ biến tuyên truyền giáo dục pháp luật để nhân dân nâng cao nhận thức, thực hiện tốt quyền lợi và nghĩa vụ của người được hưởng lợi từ công trình, có trách nhiệm bảo vệ công trình.

Điều 2.

- Giao Sở Nông nghiệp & PTNT chịu trách nhiệm phổ biến Quy hoạch này trên các phương tiện thông tin và đến các sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã để triển khai thực hiện.

- Trên cơ sở Quy hoạch đã được duyệt, theo chức năng, nhiệm vụ được giao các sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã cụ thể hoá các nội dung đưa vào kế hoạch hàng năm, trung hạn và dài hạn để triển khai Quy hoạch đảm bảo tuân thủ các nội dung đã phê duyệt, từng bước thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ đã đề ra.

- Đề cương, dự toán kinh phí Quy hoạch phát triển thủy lợi tỉnh Lai Châu giai đoạn 2011 – 2020 vẫn thực hiện theo Quyết định số 317/QĐ-UBND ngày

15/3/2011 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề cương, dự toán kinh phí rà soát, điều chỉnh Quy hoạch thủy lợi giai đoạn 2006 - 2010 và định hướng 2020.

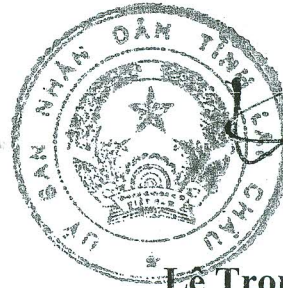
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trọng Quảng